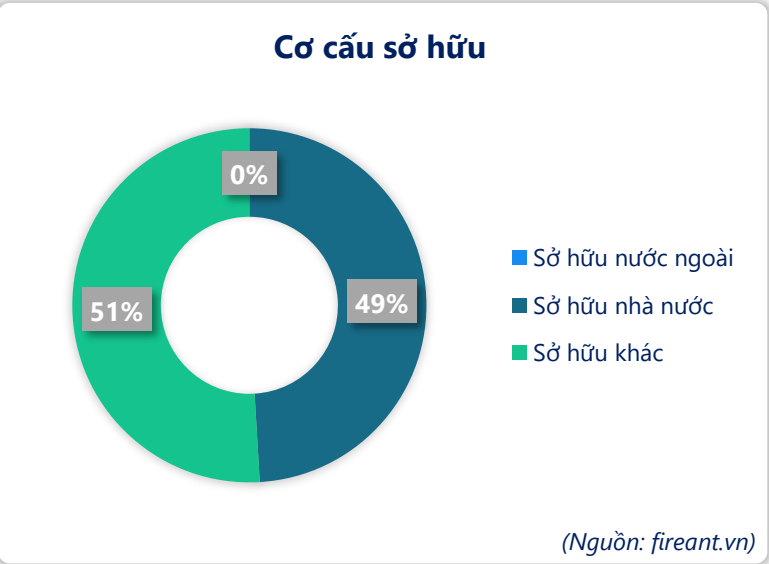
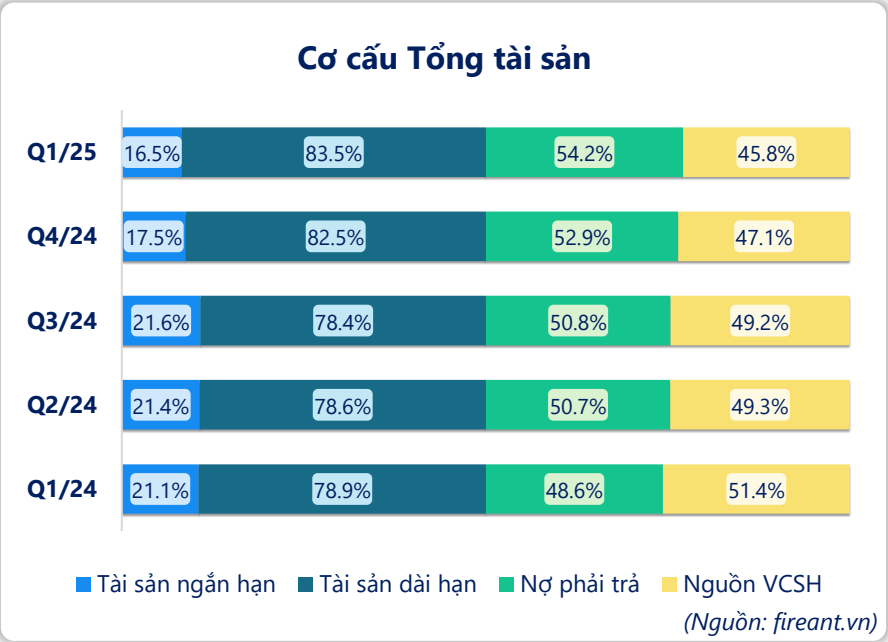
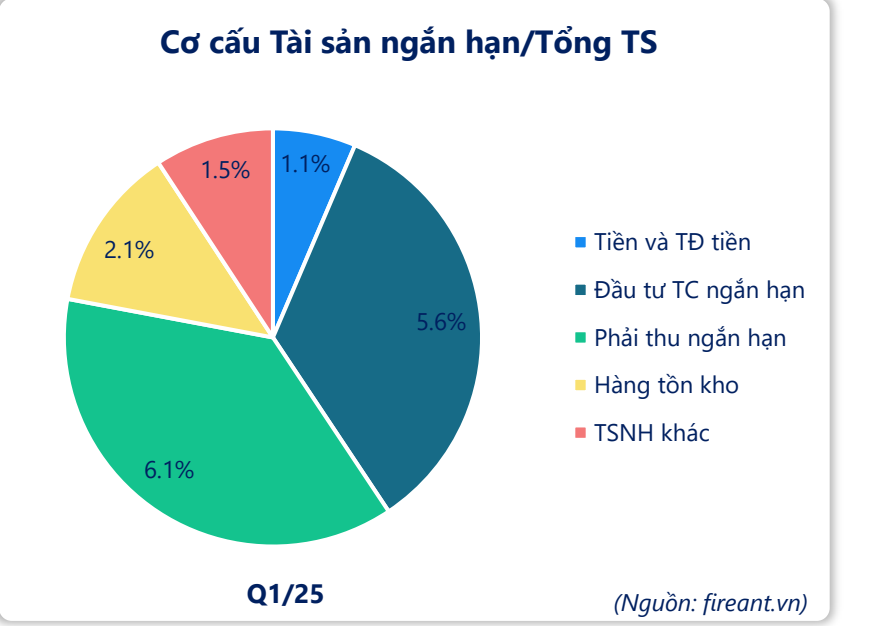
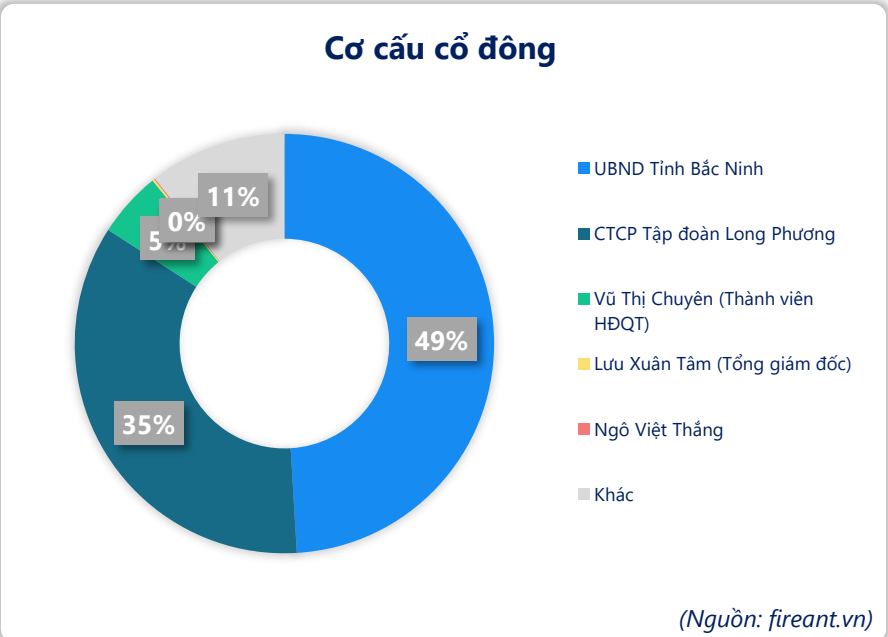
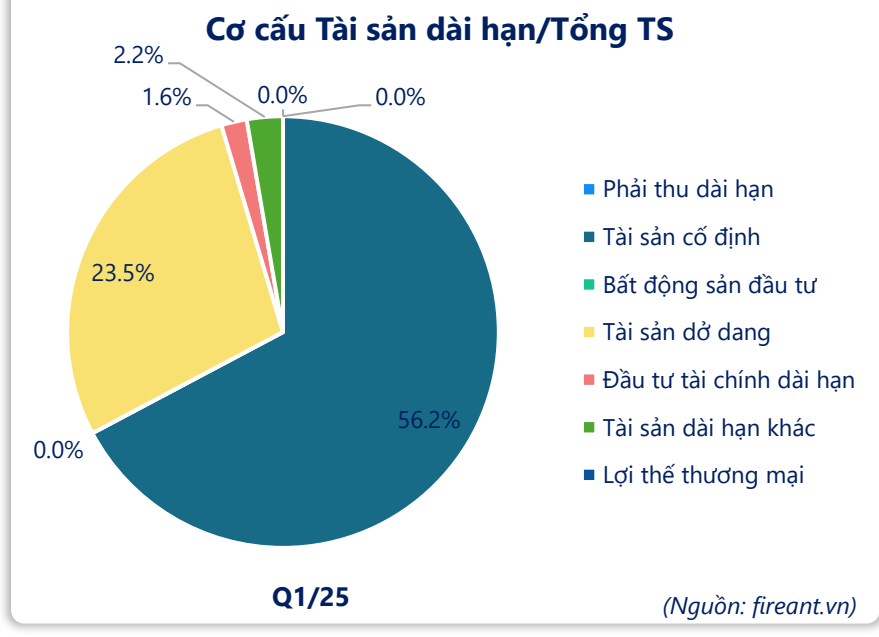
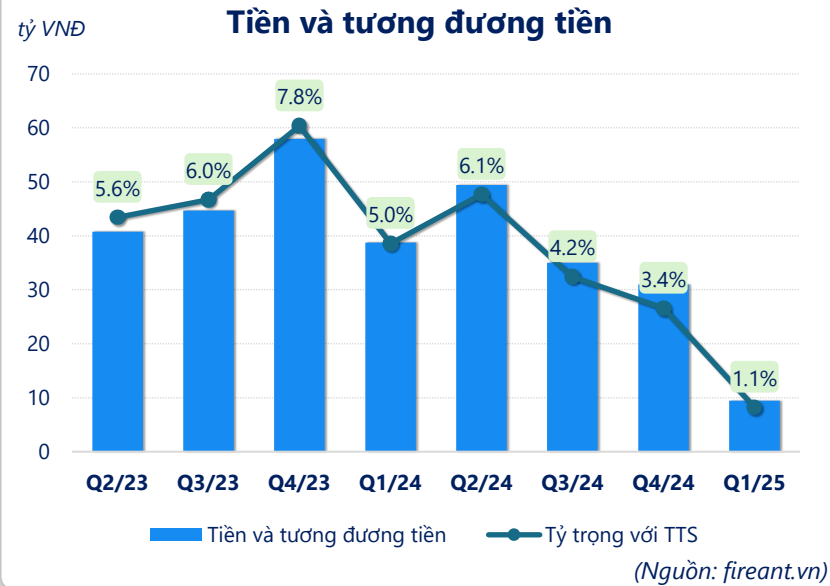
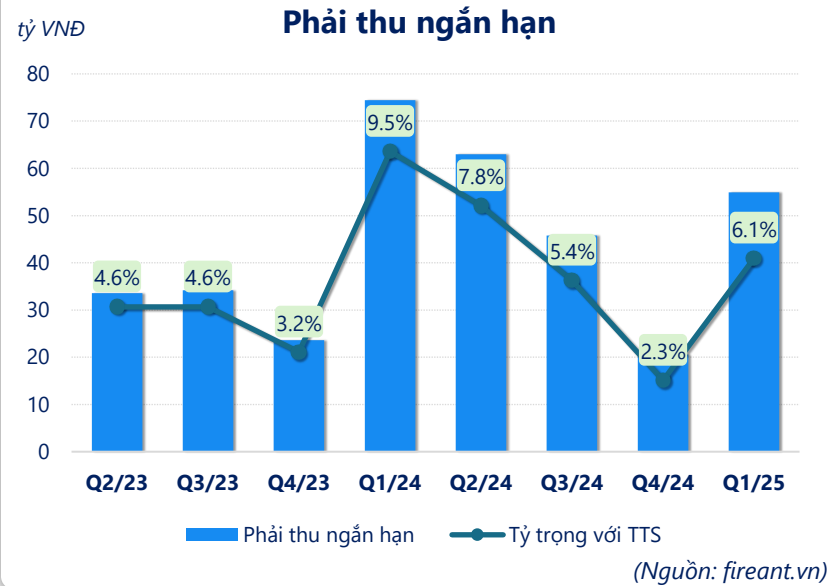
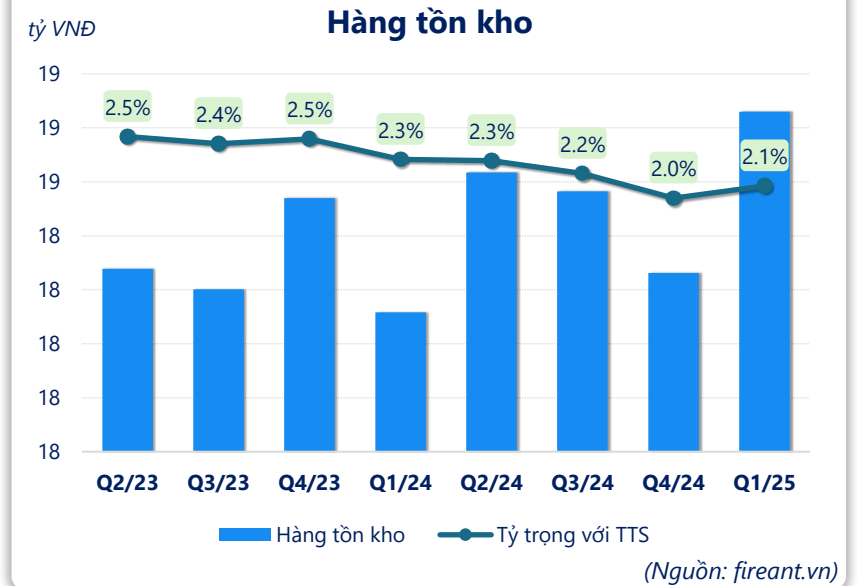
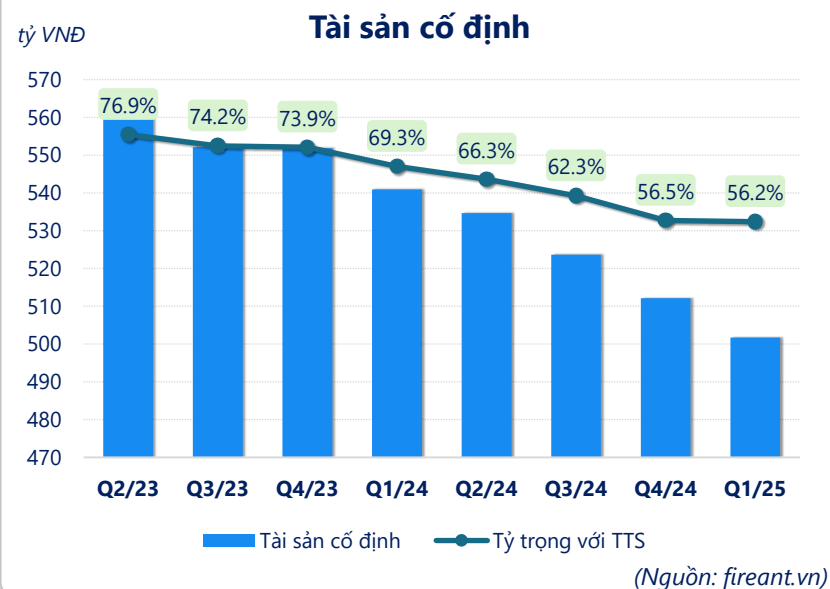
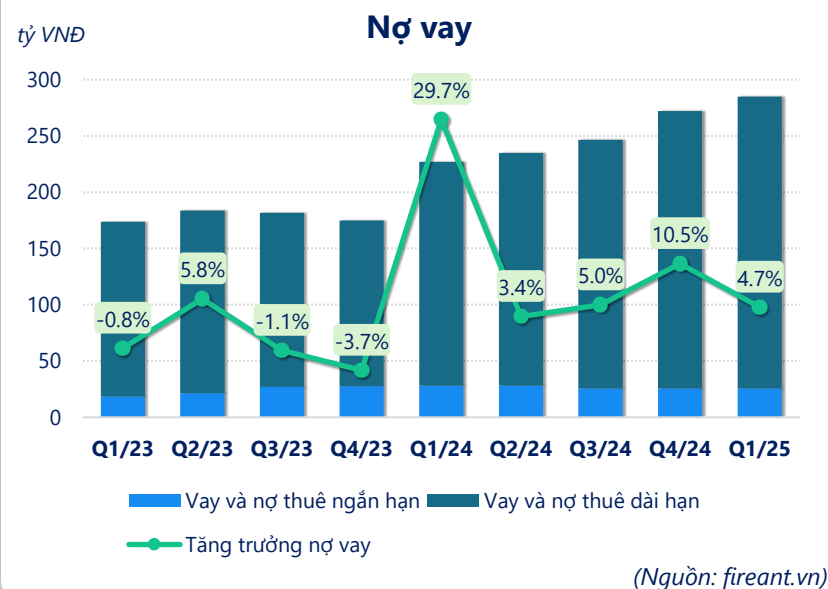
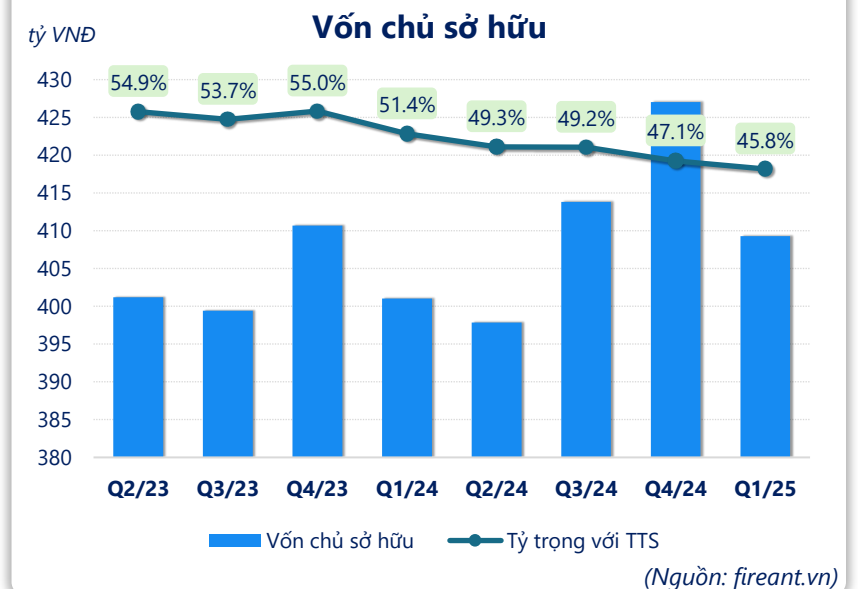
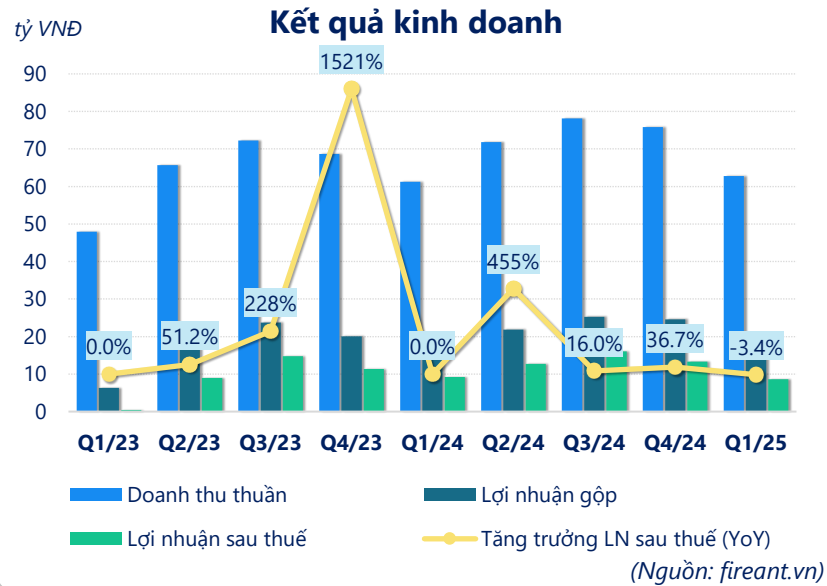
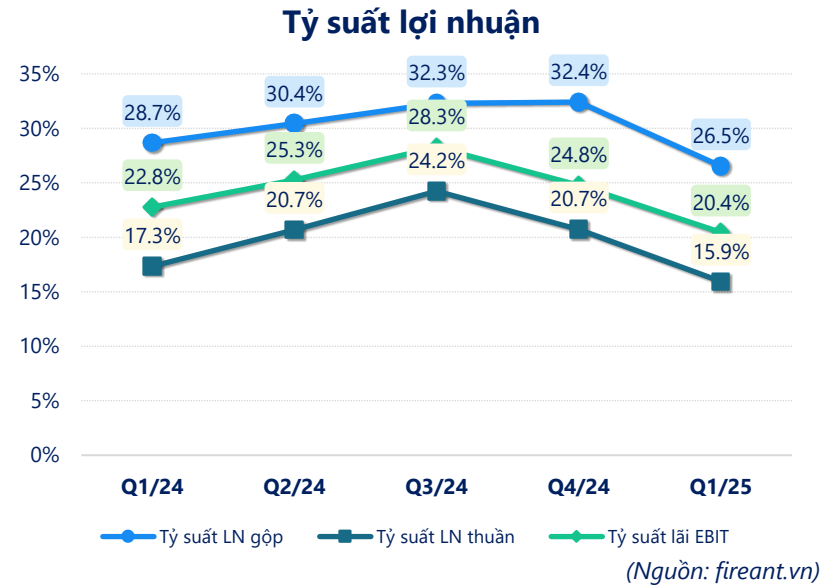
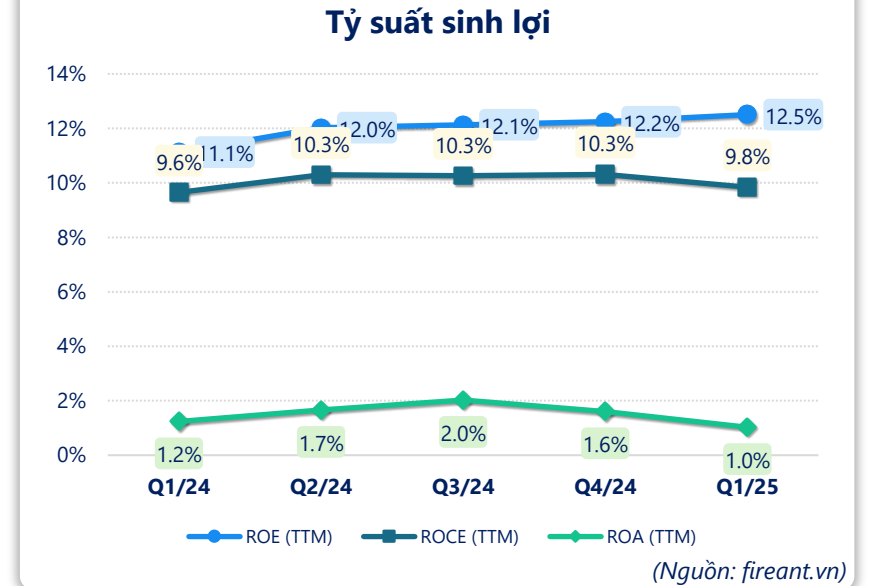
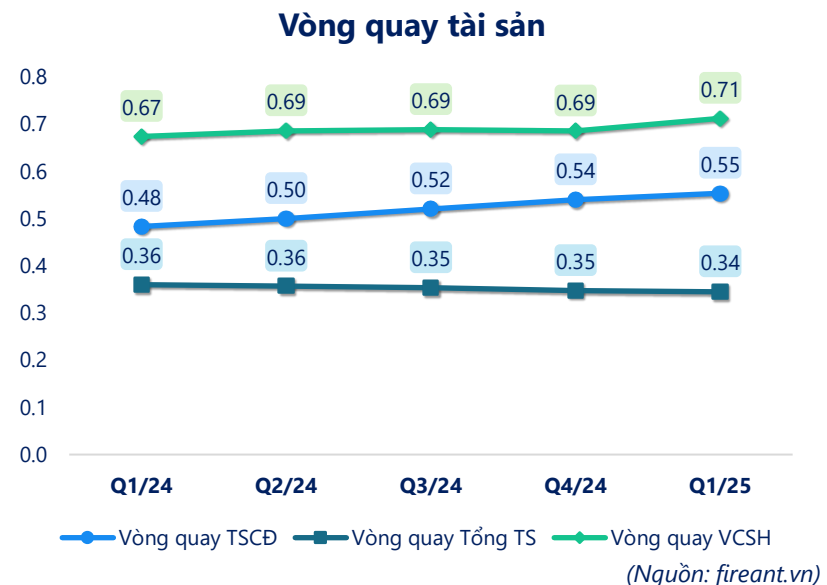
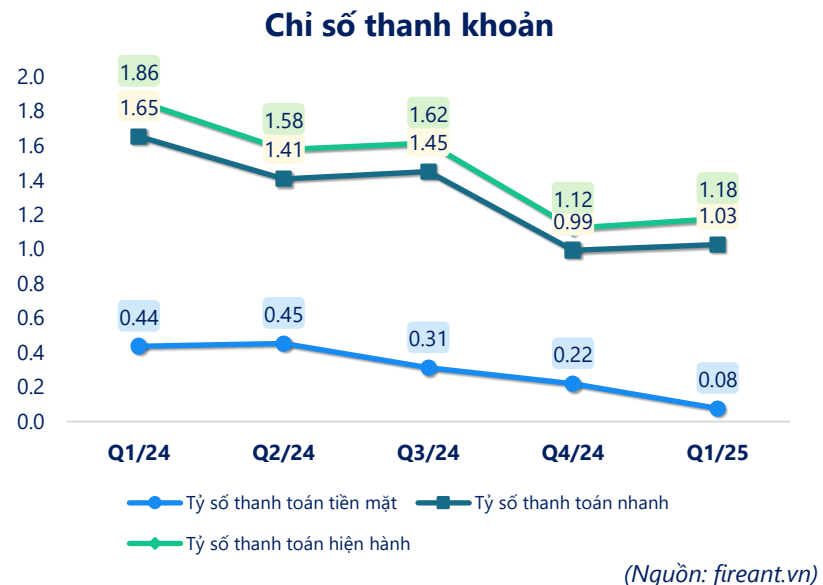
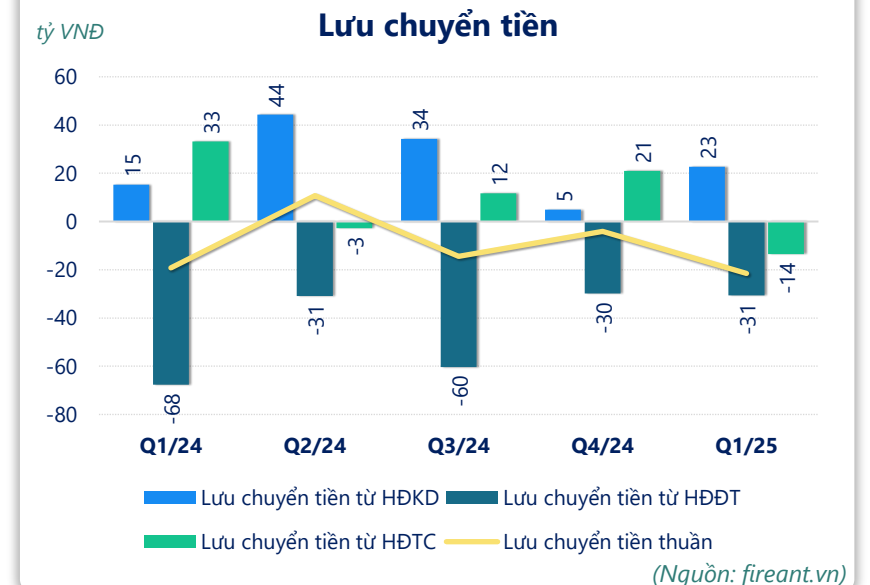


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		37,549,391
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		319
P/E		6.3
EPS		1,349

	YTD	1T	3T	6T
BNW	4.9%	4.9%	4.9%	4.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	893	907	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	147	159	-7.3%
Tiền và tương đương tiền	9.46	31.0	-69.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.4	76.3	-33.9%
Phải thu ngắn hạn	54.9	20.6	167%
Hàng tồn kho	18.9	18.3	3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	12.8	6.0%
Tài sản dài hạn	746	748	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	502	512	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	210	200	4.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.3	14.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	20.1	21.2	-5.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	484	480	0.9%
Nợ ngắn hạn	125	142	-11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.5	25.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.2	40.0	-34.5%
Nợ dài hạn	359	338	6.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	259	247	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	409	427	-4.2%
Vốn chủ sở hữu	409	427	-4.2%
Vốn điều lệ	375	375	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	61.2	71.8	78.1	75.9	62.7
Giá vốn hàng bán	43.7	49.9	52.9	51.3	46.1
Lợi nhuận gộp	17.6	21.9	25.2	24.6	16.6
Doanh thu HĐTC	0.46	0.76	0.87	0.73	0.69
Chi phí TC	3.08	3.02	2.88	2.79	2.63
Chi phí lãi vay	3.08	3.02	2.88	2.79	2.63
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.32	4.73	4.28	6.80	4.69
LN thuần từ HĐKD	10.6	14.9	18.9	15.7	10.0
Lợi nhuận khác	0.24	0.27	0.27	0.28	0.20
LN trước thuế	10.9	15.1	19.2	16.0	10.2
Lợi nhuận sau thuế	9.21	12.7	16.0	13.3	8.59
LNST của CĐ cty mẹ	9.21	12.7	16.0	13.3	8.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.2	44.4	34.3	4.88	22.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.7	-30.9	-60.3	-29.9	-30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	33.2	-2.72	11.7	21.0	-13.6
Tiền đầu kỳ	57.9	38.7	49.4	35.0	31.0
Lưu chuyển tiền thuần	-19.2	10.7	-14.4	-4.05	-21.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	38.7	49.4	35.0	31.0	9.46

(Nguồn: fireant.vn)